TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48/2021/QĐST-HNGĐ	*Bà Rịa, ngày 30 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Bùi Thị P, sinh năm 1985.

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Cùng HKTT:, thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông K là hợp pháp. Sau khi xem xét đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án đã tiến hành hòa giải, đồng thời giải thích quyền và nghĩa vụ giữa hai vợ chồng với nhau cũng như đối với con chung, mục đích để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng chăm sóc con chung, nhưng không thành.

[2] Về con chung: Bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Văn K có 4 con chung gồm Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 11-6-2008, Nguyễn Phụng M, sinh ngày 06-02-2011, Nguyễn Gia H, sinh ngày 04-6-2013 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 26-11-2017. Bà P, ông K thỏa thuận, bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung, phù hợp với nguyện vọng được ở với bà P của các cháu Phát, Minh, Huy và ông K không phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Văn K xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Văn K mỗi người phải nộp 150.000đ tiền lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Bùi Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung gồm: Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 11-6-2008, Nguyễn Phụng M, sinh ngày 06-02-2011, Nguyễn Gia H, sinh ngày 04-6-2013 và Nguyễn Phương Nhi, sinh ngày 26-11-2017; ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Văn K không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Văn K mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004113 ngày 16-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà P và ông K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND xã C, TX P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Trí Thức